TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SH** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày : 20-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SH, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Thu Sương và ông Nguyễn Văn Hà.
***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lưu Chúc–Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện SH.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện SH, tỉnh PY tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện SH, tỉnh PY. TAND huyện SH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 31-01-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 28-02-2019; quyết định thay đổi thư ký số 01/2019/QĐ-TA ngày 27-02-2019; quyết định thay đổi thư ký số 02/2019/QĐ-TA ngày 08-3-2019 và quyết định thay đổi hội thẩm số 03/2019/QĐ-TA ngày 13-3-2019 của TAND huyện SH, tỉnh PY đối với bị cáo:

Lê Ngọc T, sinh năm 1982 tại Thanh H; nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY; nghề nghiệp: Nguyên Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Sơn G (tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 31-8-2018); là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 13-02-2019); trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; trình độ chuyên môn: Trung cấp quân sự; con ông Lê Ngọc D, sinh năm 1950 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1953; vợ Trần Thị Mỹ L, nghề nghiệp: Giáo viên Trường Tiểu học Sơn G, có 02 con, lớn sinh 2005, nhỏ sinh 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Nguyên đơn dân sự:* UBND xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY do ông Lê Văn D, Phó Chủ tịch UBND xã Sơn G làm đại diện theo giấy ủy quyền. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

2. Ông La Bá Hồng A, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

3. Ông Nguyễn D, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

4. Ông Hoàng Trùng D, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

5. Ông Mông Văn G, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

6. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

7. Ông Lê Tấn L, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

8. Ông Phan Cảnh Trịnh T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn Vĩnh G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

9. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

10. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

11. Ông Y H, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

12. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

13. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

14. Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố Lộc A, Phường Cam L, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Ông Lục Hoàng Sơn G, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

4. Ông Lê Phúc H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

6. Ông Mai Viết T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

9. Ông Đặng Ngọc A, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Vĩnh G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

10. Ông Nguyễn An T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn Vĩnh G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

11. Ông Trần Văn T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

12. Ông Lê Phúc T, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

13. Ông Bá Minh H, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

14. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

15. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

16. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

17. Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

18. Ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

19. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

20. Ông Vi Văn D, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

21. Ông Lâm Văn X, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

22. Ông Hứa Văn N, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

23. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

24. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

25. Ông Phan Văn C, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

26. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Hà G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY; Vắng mặt.

27. Ông Võ Văn K, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn Lộc G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

28. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

29. Ông Đinh Quốc Kh, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Phước G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

30. Ông Lê Văn N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

31. Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

32. Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Vĩnh G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

33. Ông Hồ Nguyễn Hoàn V, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn Vĩnh G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

34. Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

35. Ông Đặng Tấn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

36. Ông Lương Văn C, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

37. Ông Kheo Văn L, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

38. Ông Hứa Văn G, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

39. Ông Lâm Văn C, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

40. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn Suối B, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

41. Ông Mông Quốc T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Nam G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

42. Ông Hứa văn H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn Vạn G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

43. Ông Lê Vĩnh Đ, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

44. Bà Tô Thị N, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn Vĩnh Lương, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Có mặt.

45. Ông Bá Minh T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn 2A, xã SH, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

46. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Khu phố Trung H, thị trấn Củng S, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt.

47. Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn Tân G, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17-9-2009, Lê Ngọc T được bổ nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Sơn G. Ngày 01-3-2016 T lập kế hoạch số 09; 10 và 11 cùng ngày về việc huấn luyện dân quân năm thứ nhất; huấn luyện dân quân cơ động và huấn luyện dân quân tại chỗ. Ba kế hoạch này, T trình ông Nguyễn Thái H - Chủ tịch UBND xã Sơn G ký xác nhận và Ban chỉ huy quân sự huyện SH duyệt vào ngày 20-6-2016, tổng số 03 danh sách là 53 người huấn luyện tại xã Đức Bình Đ từ ngày 12-7-2016 đến 17-7-2016, kinh phí cho đợt tham gia huấn luyện trong 06 (sáu) ngày là 852.000đ/người *(gồm tiền ăn 45.000đ/ngày; tiền công 92.000đ/ngày; tiền xăng xe 30.000đ/đợt)*. Tuy nhiên, thực tế tham gia huấn luyện chỉ có 41 người, kết thúc đợt huấn luyện T lập danh sách đủ 53 người với tổng số tiền là 45.156.000đ và trình ông H, chủ tịch xã, chủ tài khoản đề nghị thanh toán,

ông H không biết 12 người không tham gia huấn luyện mà vẫn có tên đề nghị thanh toán tiền nên vẫn ký duyệt.

Sau khi nhận được tiền, T chi trả cho 41 người thành tiền 34.932.000đ, còn lại 10.224.000đ T hợp thức hóa chứng từ để chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Bản kết luận giám định số 124 ngày 16-5-2018 của Phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh PY kết luận: Chữ ký của Nguyễn D; Hoàng Trùng D; Phạm Văn D; Phan Cảnh Trịnh T; Lâm Văn T không phải do họ ký.

Riêng 04 chữ ký của Nguyễn Thành T; La Bá Hồng A; Lê Tấn L và Nguyễn Văn N so với các mẫu chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh không đồng dạng nên không giám định.

Qua thanh tra còn xác định từ năm 2012 đến 2016, T đã lập chứng từ sai quy định để thanh toán tiền trực sẵn sàng chiến đấu số tiền 3.345.000đ. T khai đã sử dụng số tiền trên chi trả lực lượng dân quân trực ngoài giờ. Xét thấy, sự việc diễn ra nhiều năm, lực lượng dân quân thời điểm đó không còn ở địa phương để đối chiếu, số tiền không nhiều, thời hạn điều tra vụ án đã hết, cơ quan CSĐT Công an huyện SH tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Sau khi Thanh tra huyện SH kiểm tra phát hiện sai phạm, T đã tự nguyện nộp 15.818.000đ (mười lăm triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) để trả lại ngân sách xã.

Cáo trạng số 02/CT-VKS, ngày 30-01-2019 của VKSND huyện SH đã truy tố Lê Ngọc T về tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 355 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 355; khoản 1 Điều 48; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên trả UBND xã Sơn G (do ông Lê Văn D đại diện) nhận số tiền 10.224.000đ; trả lại bị cáo Lê Ngọc T 5.594.000đ tiền nộp thừa.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo khai nhận do suy nghĩ nông cạn, đã chi trả tiền ăn nhậu, tiếp khách, chữa bệnh cho con nên lập khống chứng từ để nhận tiền, bị cáo rất hối hận, đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, mong tòa xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Ý kiến của nguyên đơn dân sự: Bị cáo đã thừa nhận lập khống chứng từ để chiếm đoạt tiền ngân sách và đã trả lại, đại diện UBND xã đề nghị nhận lại số tiền 10.224.000đ, về hình phạt đề nghị xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông H (Chủ tịch UBND xã) trình bày: Do tin tưởng T phụ trách theo dõi dân quân đi huấn luyện và có danh sách đề nghị nên đã duyệt theo đề nghị

của T. Trong đợt huấn luyện tại xã Đức Bình Đ có tham gia cùng lãnh đạo xã đi thăm dân quân huấn luyện, sau khi động viên, thăm hỏi có việc nhà nên đi về trước, chỉ uống nước tại thao trường rồi về. Việc T làm sai quy định, lãnh đạo xã không biết. Nhờ tòa xem xét.

+ Ông T; ông A; ông D; ông Dân; ông L; ông T; ông Y H đều trình bày: Có mời đi huấn luyện nhưng không tham gia huấn luyện, không nhận tiền, không ăn nhậu với ai.

+ Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai của bà T (Kế toán ngân sách xã) và bà H (thủ quỹ xã) đều trình bày: Tin tưởng T theo dõi dân quân đi huấn luyện và có danh sách đề nghị nên đã đề nghị duyệt, rút và chi tiền theo đề nghị của T. Nhờ tòa xem xét.

+ Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản xác minh ông D; ông G; ông T; ông N đều trình bày: Không tham gia huấn luyện, không nhận tiền, không nhậu với ai.

Ý kiến của những người làm chứng:

+ Ông Bá Minh H; ông Nguyễn Văn S; ông Hoàng Văn S; ông Lâm Văn T; ông Phan văn C; ông Nguyễn Quốc D; ông Hứa Văn G; ông Phạm Minh H; ông Mông Quốc T có mặt tại phiên tòa đều trình bày: Có tham gia huấn luyện, có nhận tiền, có ký nhận tiền, không ăn nhậu từ tiền của ai.

+ Ông Hứa Văn H (Chủ tịch Mặt trận xã) và bà Tô Thị N (Chủ tịch Hội Phụ nữ xã) trình bày: Có đi thăm dân quân huấn luyện năm 2016 tại xã Đức Bình Đ cùng lãnh đạo xã, có ăn tại quán ngả ba Đức Bình Đ, nhưng nhớ ai trả tiền.

+ Theo biên bản làm việc với ông L (Bí thư Đảng ủy xã) trình bày: Trong đợt huấn luyện năm 2016, sau khi đi thăm anh em huấn luyện tại xã Đức Bình Đ được T mời ăn cơm, không biết ai trả tiền.

+ Theo biên bản ghi lời khai ông Lê Vĩnh Đ (Chủ tịch Hội Nông dân xã) trình bày: Có tham gia ăn nhậu đợt huấn luyện dân quân tại Đức Bình Đ và đợt thăm khám thanh niên tuổi 17, tiền ai trả không biết.

+ Theo biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Đình T (Phụ trách Quân lực BCHQS huyện SH) trình bày: Có cùng đoàn khám sức khỏe để tuyển quân, sau buổi làm việc thì được T mời cơm, không biết ai trả tiền.

+ Theo biên bản ghi lời khai ông Bá Minh T (Phụ trách Dân quân tự vệ BCHQS huyện SH) trình bày: Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nhận tiền theo chế độ, hết giờ dạy thì về không ăn nhậu.

+ Ngoài những người làm chứng có mặt, vắng mặt tại phiên tòa nêu trên, theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc và biên bản xác minh của 32 người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa là dân quân được đề nghị tham gia huấn luyện đều trình bày: Có tham gia huấn luyện, có nhận tiền đủ, có ký nhận tiền, không ăn nhậu từ tiền của ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xuất phát từ việc lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao Lê Ngọc T đã lợi dụng số người là dân quân của xã Sơn G trong danh sách đề nghị huấn luyện theo kế hoạch do bị cáo T đề nghị, lập khống chứng từ của 12 người vắng không tham gia huấn luyện để thanh toán tiền nhằm che dấu việc phát hiện của những người có trách nhiệm quản lý ngân sách như Chủ tịch UBND, kế toán, thủ quỹ xã Sơn G để chiếm đoạt 10.224.000đ.

Hành vi của bị cáo phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 280 BLHS 1999.

Khoản 1 Điều 280 BLHS 1999 quy định: Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản…có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội thì hành vi của bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 355 BLHS 2015 để xử lý.

Khoản 1 Điều 355 BLHS 2015 quy định: Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản…có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng…, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 355 BLHS 2015. Cáo trạng của VKSND huyện SH đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hành vi từ năm 2012 đến 2016, T đã lập chứng từ sai quy định để thanh toán tiền trực sẵn sàng chiến đấu với số tiền 3.345.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an và VKSND huyện SH tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau nên HĐXX không xét.

Về việc ký duyệt, rút tiền và chi tiền của ông H, bà T, bà H do không biết bị cáo lập khống chứng từ và bị cáo cũng thừa nhận bị cáo tự mình lập khống chứng từ để nhận tiền nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, nhân thân tốt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[4] Hướng xử lý: Bị cáo là đảng viên, chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự xã, phó bí thư chi bộ đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao lập khống chứng từ để chiếm đoạt tài sản của ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động của UBND xã Sơn G là hành vi phạm tội gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, tư cách đạo đức của cán bộ đối với nhân dân và trong cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng của Đảng nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, xét tài sản chiếm đoạt của bị cáo không nhiều (10.224.000đ), thật thà khai báo, ăn năn hối cãi, sau khi bị phát hiện sai phạm trước khi khởi tố vụ án đã tự nguyện trả lại tiền ngân sách nhà nước và trả dư 5.594.000đ. Tại tòa, đại diện UBND xã cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung. Giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng, răn đe để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và sự khoan hồng của Nhà nước mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS 2015; khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015: Tuyên trả UBND xã Sơn Giang 10.224.000đ, trả lại bị cáo 5.594.000đ tiền nộp thừa.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 355; khoản 1 Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015 và khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù** cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng**, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Ngọc T cho UBND xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY, giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo và

UBND xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY có trách nhiệm phối hợp với nhau trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Ngọc T.

2. Về xử lý vật chứng:

+Tuyên trả UBND xã Sơn G, huyện SH, tỉnh PY số tiền 10.224.000đ (mười triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng);

+Trả lại bị cáo Lê Ngọc T 5.594.000đ (năm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền nộp thừa;

(theo biên bản giao nhận tiền giữa Thanh tra huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện SH lập ngày 04-3-2019).

3. Về án phí:

Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh;
- Công an H.Sông Hinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án Dân sự huyện Sông Hinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Châu Kha